

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 84/2023/DS-PT

Ngày: 14 - 02 - 2023.

V/v: "Chia di sản thừa kế".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đức;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thanh Huyền;

Ông Hoàng Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Công Bình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2022/TLPT-DS ngày 02/11/2022 về việc "Yêu cầu chia di sản thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 102/2022/DSST ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 336/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 12 năm 2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa ngày 03/01/2022, thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử vụ án dân sự phúc thẩm ngày 30/01/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T; sinh năm 1939;

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị Minh C, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số 85 L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Bị đơn:

+ Ông Bùi Văn M, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

+ Ông Bùi Văn C1, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Thôn 12, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

+ Bà Bùi Thị A, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Bùi Thị Thanh H; chị Bùi Phương T1, anh Bùi Trung H1.

Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;
Đại diện theo ủy quyền của chị Bùi Phương T1, anh Bùi Trung H1 là bà Bùi Thị Thanh H - Có mặt.

+ Bà Bùi Thị Minh C; sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số 85 L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

Người kháng cáo: Ông Bùi Văn C1 – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Bùi Thị Minh C trình bày:**

Bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Văn A1 (chết năm 2015) là vợ chồng. Bà T, ông A1 có 06 người con gồm:

- Bùi Văn M – Sinh năm: 1957;

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk

- Bùi Văn C1 – Sinh năm: 1960

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk

- Bùi Thị A – Sinh năm: 1963

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk

- Bùi Thị H2 – Sinh năm: 1969 – Đã chết năm 2008. Chị H2 là người sống độc thân, không kết hôn hay chung sống với ai, cũng không có con đẻ, con nuôi.

- Bùi Văn M1 – Sinh năm: 1973. Đã chết năm 2020.

Anh M1 có vợ là chị Bùi Thị Thanh H – Sinh năm: 1977 và có 02 con là Bùi Phương T1 – Sinh năm: 2000 và Bùi Trung H1 – Sinh năm: 2002. Hiện cùng ở tại địa chỉ: Thôn 1, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bùi Thị Minh C – Sinh năm: 1976

Địa chỉ: Số 85 L, P. T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

- Cha mẹ ông A1 đã chết trước ông A1 từ lâu, ông A1 không có cha, mẹ nuôi cũng không có con nuôi hay con riêng nào khác. Khi chết ông Bùi Văn A1 không để lại di chúc.

Trong thời gian chung sống, bà T và ông A1 có khai hoang một số diện tích đất và quản lý sử dụng từ năm 1975 gồm:

+ Thừa đất số 687, tờ bản đồ 16, diện tích 3.651,3m² đất trồng cây lâu năm tại thôn 1, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 084728 do UBND Tp. B cấp ngày 09/6/2021 cho hộ bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Văn A1 (chết)

+ Thừa đất số 955, tờ bản đồ 16, diện tích 1.624,7m² đất trồng cây lâu năm tại thôn 1, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 084604 do UBND Tp. B cấp ngày 09/6/2021 cho hộ bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Văn A1 (chết)

+ Thửa đất số 1276, tờ bản đồ 16, diện tích 865,3m² đất nuôi trồng thủy sản tại thôn 1, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 084729 do UBND Tp. B cấp ngày 09/6/2021 cho hộ bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Văn A1 (chết)

+ Thửa đất số 411, tờ bản đồ 16, diện tích 1.212,5m² đất trồng lúa nước tại thôn 1, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 204549 do UBND Tp. B cấp ngày 30/7/2021 cho hộ bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Văn A1 (chết)

Để thuận tiện cho việc quản lý, canh tác và do không có được sự đồng thuận của các thành viên trong gia đình nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia theo pháp luật phần di sản của ông Bùi Văn A1 đối với tài sản là các thửa đất nêu trên. Bà T có nguyện vọng muốn được toàn quyền sở hữu, quản lý, sử dụng đối với các thửa đất nêu trên và sẽ có trách nhiệm thanh toán lại phần giá trị mà những người thừa kế của ông A1 được hưởng bằng tiền.

*** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Bùi Văn M trình bày:** Ông M xác định ông có mối quan hệ là con đẻ của ông Bùi Văn A1 và bà Nguyễn Thị T, ông A1 đã chết năm 2015. Ông A1 bà T có 06 người con

- Bùi Văn M – Sinh năm: 1957

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk

- Bùi Văn C1 – Sinh năm: 1960

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk

- Bùi Thị A – Sinh năm: 1963

Địa chỉ: Cụm 5, Thôn 1, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk

- Bùi Thị H2 – Sinh năm: 1969 – Đã chết năm 2008. Chị H2 là người sống độc thân, không kết hôn hay chung sống với ai, cũng không có con đẻ, con nuôi.

- Bùi Văn M1 – Sinh năm: 1973. Đã chết năm 2020.

Bùi Văn M1 có vợ là chị Bùi Thị Thanh H – Sinh năm: 1977 và có 02 con là Bùi Phương T1 – Sinh năm: 2000 và Bùi Trung H1 – Sinh năm: 2002. Hiện cùng ở tại địa chỉ: Thôn 1, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bùi Thị Minh C – Sinh năm: 1976

Địa chỉ: Số 85 L, P. Tân Lợi, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình chung sống, bố mẹ ông có tạo lập được một số tài sản nhưng ông không biết chính xác là bao gồm những tài sản gì. Nay mẹ ông là bà T có yêu cầu chia di sản thừa kế của bố ông là ông A1 đối với các thửa đất:

+ Thửa đất số 687, tờ bản đồ 16, diện tích 3.651,3m² đất trồng cây lâu năm tại thôn 1, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 084728 do UBND Tp. B cấp ngày 09/6/2021 cho hộ bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Văn A1 (chết)

+ Thửa đất số 955, tờ bản đồ 16, diện tích 1.624,7m² đất trồng cây lâu năm tại thôn 1, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 084604 do UBND Tp. B cấp ngày 09/6/2021 cho hộ bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Văn A1 (chết)

+ Thửa đất số 1276, tờ bản đồ 16, diện tích 865,3m² đất nuôi trồng thủy sản tại thôn 1, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 084729 do UBND Tp. B cấp ngày 09/6/2021 cho hộ bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Văn A1 (chết)

+ Thửa đất số 411, tờ bản đồ 16, diện tích 1.212,5m² đất trồng lúa nước tại thôn 1, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 204549 do UBND Tp. B cấp ngày 30/7/2021 cho hộ bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Văn A1 (chết)

Ông Bùi Văn M đồng ý phân chia phần di sản của ông Bùi Văn A1 đối với các thửa đất nêu trên theo quy định của pháp luật và có ý kiến là chỉ đồng ý nhận phần di sản mà ông được hưởng từ ông A1 bằng tiền với số tiền là 01 tỷ đồng, nếu bà T không đồng ý thì ông M yêu cầu được nhận đất.

Ông Bùi Văn M xác định các tài sản trên đất hiện nay do bà Bùi Thị Minh C tạo lập, khi bà C xây dựng tài sản trên đất ông biết và không có ý kiến phản đối và cũng không có công sức đóng góp gì.

*** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bị đơn là ông Bùi Văn C1, bà Bùi Thị A; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Thanh H đều có lời khai:**

+ Về quan hệ nhân thân: Các ông bà C1, A, H đều xác định ông Bùi Văn A1 và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng, ông A1 đã chết năm 2015. Khi chết ông A1 không để lại di chúc. Ông A1, bà T có 06 người con đúng như bà Bùi Thị Minh C và ông Bùi Văn M trình bày.

+ Về di sản thừa kế: Các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều xác định các tài sản mà bà T yêu cầu Tòa án phân chia là đúng, có nguồn gốc do ông A1, bà T tạo lập và quản lý sử dụng từ năm 1975 đến nay.

Các ông bà C1, A, H đều đồng ý phân chia phần di sản của ông Bùi Văn A1 đối với các tài sản nêu trên theo quy định của pháp luật và cùng thống nhất ý kiến là nếu bà Nguyễn Thị T trả cho họ mỗi người 01 tỷ đồng thì họ đồng ý nhận tiền, nếu không thì họ yêu cầu được nhận đất.

Các ông bà C1, A, H đều xác định các tài sản trên đất hiện nay do bà Bùi Thị Minh C tạo lập, các ông bà đều biết việc bà C tạo lập tài sản trên đất và không có ý kiến phản đối cũng như không có công sức đóng góp gì.

*** Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Minh C:** Bà C không có ý kiến gì đối với việc bà T yêu cầu phân chia phần di sản của ông Bùi Văn A1, nguyện vọng của bà là hiện nay ông A1 đã chết nên bà mong muốn

giao phần di sản của ông A1 cho bà T để bà T dưỡng già. Trường hợp các anh chị em trong gia đình không thống nhất và yêu cầu phân chia thì đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà T theo quy định của pháp luật.

Bà C xác định, các tài sản trên đất hiện nay là do bà tạo lập với mục đích tôn tạo khối tài sản của bố mẹ. Từ khi bà xây dựng, tạo lập các tài sản trên đất đến nay đều được bà T đồng ý, các anh chị em trong gia đình cũng đều biết và hoàn toàn không có ý kiến phản đối gì. Trường hợp Tòa án giải quyết phân chia phần di sản của ông A1 cho những người thừa kế bằng hiện vật thì bà sẽ di dời các tài sản trên đất đi nơi khác và trả lại đất để phân chia.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2022/DS-ST ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân Tp Buôn Ma Thuột đã quyết định:

Căn cứ khoản 5, khoản 11 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 244; Điều 266, Điều 267; Điều 273; Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 609, 611, 612, 613, khoản 1 Điều 623, Điều 649, Điều 651, Điều 652, Điều 660 của BLDS năm 2015

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 27 [Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14](#) ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

* **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, phân chia phần di sản của ông Bùi Văn A1 đối với các tài sản gồm:

+ Thửa đất số 687, tờ bản đồ 16, diện tích 3.651,3m² đất trồng cây lâu năm tại thôn 1, xã H Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 084728 do UBND Tp. B cấp ngày 09/6/2021 cho hộ bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Văn A1 (chết)

+ Thửa đất số 955, tờ bản đồ 16, diện tích 1.624,7m² đất trồng cây lâu năm tại thôn 1, xã H Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 084604 do UBND Tp. B cấp ngày 09/6/2021 cho hộ bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Văn A1 (chết)

+ Thửa đất số 1276, tờ bản đồ 16, diện tích 865,3m² đất nuôi trồng thủy sản tại thôn 1, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 084729 do UBND Tp. B cấp ngày 09/6/2021 cho hộ bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Văn A1 (chết)

+ Thửa đất số 411, tờ bản đồ 16, diện tích 1.212,5m² đất trồng lúa nước tại thôn 1, xã H Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 204549 do UBND Tp. B cấp ngày 30/7/2021 cho hộ bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Văn A1 (chết)

Giao cho bà T được toàn quyền sở hữu đối với các thửa đất nêu trên. Bà

Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế của ông Bùi Văn A1 giá trị phần di sản mà họ được hưởng, cụ thể như sau:

Thanh toán cho các ông, bà Bùi Văn M, Bùi Văn C1, Bùi Thị A, Bùi Thị Minh C mỗi người số tiền 235.334.000 đồng/người (*hai trăm ba mươi lăm triệu, ba trăm ba mươi tư ngàn đồng*).

Thanh toán cho các ông, bà Bùi Thị Thu H, Bùi Phương T1, Bùi Trung H1 mỗi người số tiền 58.833.500 đồng/người (*năm mươi tám triệu tám trăm ba mươi ba ngàn năm trăm đồng*).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Bùi Thị Minh C về việc không yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả lại phần giá trị tài sản trên đất.

Sau khi thanh toán phần giá trị di sản của ông Bùi Văn A1 cho các ông bà Bùi Văn M, Bùi Văn C1, Bùi Thị A, Bùi Thị Minh C; Bùi Thị Thu H, Bùi Phương T1, Bùi Trung H1 như đã xác định ở trên, bà Nguyễn Thị T được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để hoàn tất các thủ tục chuyển quyền sở hữu đối với các tài sản nêu trên theo quy định của pháp luật.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, xử lý chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 16/8/2022, ông Bùi Văn C1 - là bị đơn, kháng cáo Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn có kháng cáo giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, các đương sự giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 102/2022/DS-ST ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn C1 trong hạn luật định và được miễn tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn C1, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Ông A1, bà T có 06 người con gồm: Ông Bùi Văn M, Bùi Văn C1, Bùi

Thị A, Bùi Thị Minh C; Bùi Thị H2 (chết năm 2008), Bùi Văn M1 (chết năm 2020). Căn cứ Điều 613 Bộ luật dân sự năm 2015, bà Bùi Thị H2 không thuộc trường hợp được hưởng thừa kế của ông Bùi Văn A1. Do đó, hàng thừa kế thứ nhất của ông A1 gồm 06 ông bà có tên sau: Bà Nguyễn Thị T, ông Bùi Văn M, ông Bùi Văn C1, bà Bùi Thị A, bà Bùi Thị Minh C; ông Bùi Văn M1. Tuy nhiên, căn cứ Bản sao trích lục khai tử số 1076/TLKT-BS ngày 25/10/2021 của Ủy ban nhân dân xã H thì xác định ông Bùi Văn M1 chết năm 2020 (sau thời điểm mở thừa kế) nên ông M1 vẫn được hưởng thừa kế của ông A1. Do ông M1 chết nên hàng thừa kế thứ nhất của ông M1 sẽ bao gồm bà Nguyễn Thị T cùng vợ và các con ông M1 là bà Bùi Thị Thu H, Bùi Phương T1, Bùi Trung H1 được hưởng phần di sản mà ông M1 được hưởng từ ông Bùi Văn A1 theo quy định của pháp luật.

[2.2] Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, xác định được ông Bùi Văn A1 đã chết, không để lại di chúc nên di sản của ông A1 là $\frac{1}{2}$ diện tích của các thửa đất số 687, 955, 1276, 411; tờ bản đồ 16 là di sản và phần di sản này của ông A1 sẽ được chia đều cho các đồng thừa kế; đồng thời ông Bùi Văn M1 đã chết nên phần di sản mà ông M1 được hưởng từ ông Bùi Văn A1 sẽ được chia đều cho các đồng thừa kế là phù hợp.

Căn cứ Điều 11 Quy định hạn mức một số loại đất; kích thước, diện tích đất tối thiểu được phép tách thửa cho hộ gia đình, cá nhân, việc rà soát, công bố công khai các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được ban hành kèm theo Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì nếu tiến hành phân chia phần di sản của ông A1 bằng hiện vật (chia đất) theo yêu cầu của các ông bà Mạc, C1, A, H, Thảo, Hiếu thì sẽ không đảm bảo diện tích đất tối thiểu để tách thửa cho từng người thừa kế.

[2.3] Ngày 21/12/2022, ông Bùi Văn C1, Bùi Văn M, Bùi Thị A và bà Bùi Thị Thanh H có đơn kiến nghị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm phân chia di sản bằng hiện vật, những người trên đồng thời ủy quyền cho ông Bùi Văn C1 là người đại diện sở hữu phần di sản của mỗi người, nhằm đủ điều kiện tách thửa.

Tại các phiên tòa phúc thẩm, ông Bùi Văn C1, ông Bùi Văn M, bà Bùi Thị A và bà Bùi Thị Thanh H vẫn giữ nguyên yêu cầu được nhận di sản bằng đất chứ không quy đổi ra giá trị bằng tiền, cụ thể là các phần diện tích đất của các thửa đất được chia cho 04 người như nhận định tại Bản án sơ thẩm cộng lại; diện tích đất của từng thửa được chia của 04 người tổng là 2450,64m², đồng thời ủy quyền cho ông Bùi Văn C1 là người đại diện sở hữu phần di sản chung của các ông, bà nhằm đủ điều kiện tách thửa. Phần diện tích các ông, bà yêu cầu được chia là một phần của thửa đất số 687, tờ bản đồ số 16, diện tích 3.651,3m².

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thể hiện phần đất mà các đương sự kiến nghị được chia theo đơn kiến nghị ngày 21/12/2022 bao gồm: 01 phần diện tích của thửa đất số 687, tờ bản

đồ 16, đất trồng cây lâu năm và phần diện tích còn lại sau khi lồng ghép bản đồ địa chính tham khảo thể hiện là một phần diện tích đất trồng lúa của thửa 411, tờ bản đồ 16. Có tổng diện tích 2450,64m²; trên các thửa đất bao gồm nhiều tài sản kiên cố và tài sản, cây trồng khác tuy nhiên các đương sự không yêu cầu xem xét.

Mặt khác, tại Bản án sơ thẩm đã xác định diện tích đất được chia cho những người thừa kế (đã quy đổi ra giá trị) bao gồm nhiều loại đất, gồm: Đất trồng lúa nước, đất trồng cây lâu năm và đất nuôi trồng thủy sản có giá trị khác nhau tương ứng với từng loại đất.

Do đó, việc ông Bùi Văn C1, ông Bùi Văn M, bà Bùi Thị A, bà Bùi Thị Thanh H kiến nghị gộp chung diện tích và yêu cầu được chia 2450,64 m² tại phần đất trồng cây lâu năm là không phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, giao cho bà T được toàn quyền quản lý, sở hữu đối với các thửa đất nêu trên và bà T có có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế của ông Bùi Văn A1 giá trị phần di sản mà họ được hưởng từ ông A1 bằng tiền theo giá thị trường căn cứ vào kết quả định giá tài sản ngày 07/6/2022 là có căn cứ.

[3] Xét quan điểm đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk là có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những nhận định nêu trên, nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, xét kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn C1 là không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do ông Bùi Văn C1 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên ông Bùi Văn C1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn C1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2022/DS-ST ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Áp dụng các Điều 609, 611, 612, 613, khoản 1 Điều 623, Điều 649, Điều 651, Điều 652, Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, phân chia phần di sản của ông Bùi Văn A1 (đã chết) đối với các tài sản gồm:

+ Thửa đất số 687, tờ bản đồ 16, diện tích 3.651,3m² đất trồng cây lâu năm tại thôn 1, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

DA 084728 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 09/6/2021 cho hộ bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Văn A1.

+ Thửa đất số 955, tờ bản đồ 16, diện tích 1.624,7m² đất trồng cây lâu năm tại thôn 1, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 084604 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 09/6/2021 cho hộ bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Văn A1.

+ Thửa đất số 1276, tờ bản đồ 16, diện tích 865,3m² đất nuôi trồng thủy sản tại thôn 1, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 084729 do UBND Tp. B cấp ngày 09/6/2021 cho hộ bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Văn A1.

+ Thửa đất số 411, tờ bản đồ 16, diện tích 1.212,5m² đất trồng lúa nước tại thôn 1, xã H Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 204549 do UBND Tp. B cấp ngày 30/7/2021 cho hộ bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Văn A1.

- Giao cho bà Nguyễn Thị T được toàn quyền sở hữu đối với các thửa đất nêu trên. Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế của ông Bùi Văn A1 giá trị phần di sản mà họ được hưởng, cụ thể như sau:

Thanh toán cho các ông Bùi Văn M, ông Bùi Văn C1, bà Bùi Thị A, bà Bùi Thị Minh C mỗi người số tiền 235.334.000 đồng/người (*hai trăm ba mươi lăm triệu, ba trăm ba mươi tư ngàn đồng*).

Thanh toán cho bà Bùi Thị Thu H, bà Bùi Phương T1, ông Bùi Trung H1 mỗi người số tiền 58.833.500 đồng/người (*năm mươi tám triệu tám trăm ba mươi ba ngàn năm trăm đồng*).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Bùi Thị Minh C về việc không yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả lại phần giá trị tài sản trên đất.

Sau khi thanh toán phần giá trị di sản của ông Bùi Văn A1 cho các ông Bùi Văn M, ông Bùi Văn C1, bà Bùi Thị A, bà Bùi Thị Minh C; bà Bùi Thị Thu H, bà Bùi Phương T1, ông Bùi Trung H1 như đã xác định ở trên, bà Nguyễn Thị T được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để hoàn tất các thủ tục chuyển quyền sở hữu đối với các tài sản nêu trên theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu 3.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản (đã nộp và chi phí xong).

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (tại cấp phúc thẩm): Bà Nguyễn Thị Minh C tự nguyện chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ông Bùi Văn C1 được nhận lại 2.000.000 đồng sau khi thu được từ bà Nguyễn Thị Minh C.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T, ông Bùi Văn M, ông Bùi Văn C1 được miễn án phí. Bà Bùi Thị A, bà Bùi Thị Minh C mỗi người phải chịu

11.767.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Bùi Thị Thu H, bà Bùi Phương T1, ông Bùi Trung H1 mỗi người phải chịu 2.942.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Văn C1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Đức